TOÀ □N NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH M□N
T□NH H□I D□□NG
Bản án số: 11/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 29/4/2022
V/v: Ly hôn;

C□NG HOÀ XÃ H□I CH□ NGH□A VI□T NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân

Ông Nguyễn Chí Dựng

Bà Đinh Thị Tin

- *Th- ký phiên tòa:* Ông Trần Thăng Long- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhung- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 319/2021/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1973, địa chỉ: Địa chỉ: Khu 4, Phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khu 4, Phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Chị H, anh T đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P (nay là phường P), thị xã K vào ngày vào ngày 06 tháng 02 năm 1993. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống làm ăn tại địa phương. Thời gian đầu sau khi kết hôn hai bên sống vui vẻ bình thường, cùng nhau nuôi dậy hai con chung và phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên khoảng gần hai năm nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh T không tôn trọng chị H, mỗi khi uống rượu cùng bạn bè về lại có lời lẽ xúc phạm đến danh dự của chị H, anh T nhiều lần đánh đập chị H gây đau đớn về thể xác mà chị H nghĩ vì gia đình và con nên đã cố phải gắng chịu. Do không chịu đựng được cuộc sống chung với anh T nên từ năm 2020 đến nay chị H đã quyết định sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm chăm lo gì đến nhau nữa nên chị H xin ly hôn anh T để mỗi bên có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng chị H có hai con chung là Trương Tuấn A, sinh ngày 26/6/1994 và Trương Minh C, sinh ngày 12/8/1997. Hiện hai con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, giao nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án.

**Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, anh Trương Văn T trình bày:*

Về quan hệ vợ chồng: Anh T xác định anh T và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và làm thủ tục đăng ký kết hôn như việc chị H trình bày tại Tòa án là đúng. Anh T tự xét thấy bản thân anh T trong thời thời gian trước đây khi vợ chồng còn chung sống cùng nhau anh T đã đối xử với chị H trong lời nói và hành động có nhiều sai trái, không đúng mức của một người chồng. Anh T hứa và cam kết sẽ sửa chữa và khắc phục ngay. Anh T đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho hai bên một thời gian để vợ chồng có cơ hội hòa giải để đoàn tụ, còn nếu sau này hai bên không hòa giải được thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh T không thắc mắc gì.

Về con chung: Vợ chồng anh T, chị H có hai con chung như chị H trình bày tại Tòa án là đúng. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, giao nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến:** Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. *Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:* Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trương Văn T; V*ề con chung:* Hiện các con chung của chị H, anh T đều đã trưởng thành nên không phải xem xét, giao nuôi con chung; *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (Bên vợ, bên chồng):* Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. *Về án phí:* Chị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H, anh T đề nghị vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Chị H và anh T được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P (nay là Ủy ban nhân dân phường P), thị xã K vào ngày vào ngày 06 tháng 02 năm 1993 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh T đang cư trú tại phường P, thị xã K nên Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý đơn khởi kiện của chị H là đúng thẩm quyền.

[2]Về quan hệ hôn nhân; Căn cứ đơn khởi kiện và yêu cầu của chị H thì thấy: Qua lời khai xác nhận của các đương sự tại Tòa án, việc cung cấp thông tin của đại diện gia đình của các đương sự, đại diện khu dân cư và chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú cùng các tài liệu được thu thập trong vụ án phản ánh cuộc sống vợ chồng chị H, anh T nhiều năm nay không được hòa thuận, hạnh phúc, hai bên có sự khác biệt về quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm ăn kinh tế chung và cách nuôi dậy chăm sóc con chung. Vợ chồng khi còn chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng không được cải thiện. Gần hai năm nay vợ chồng chị H, anh T sống không có hạnh phúc, hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm chăm lo gì cho nhau, độc lập trong làm ăn kinh tế. Anh T tại đơn đề nghị ngày 28 tháng 4 năm 2022 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn cơ hội hàn gắn đoàn tụ nên chấp nhận ly hôn chị

H để giải phóng cuộc sống cho hai bên. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định cuộc sống vợ chồng chị H, anh T đến nay thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H, anh T có hai con chung là Trương Tuấn A, sinh ngày 26/6/1994 và Trương Minh C, sinh ngày 12/8/1997. Hiện các con chung đều đã trưởng thành nên không phải xem xét, giao nuôi con chung là đúng quy định.

[4]Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Hiện chị H, anh T không có tranh chấp, không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí : Theo quy định của Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, chị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử :

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trương Văn T.

2.Về con chung: Không phải xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Không xem xét, giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001091 ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn.

5. Về quyền kháng cáo: Tòa án báo cho chị H, anh T biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án ds thị xã Kinh Môn;
- UBND phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương, ĐK năm 1993;
- Lưu.VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuyết